

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HS-ST

Ngày: 10-01-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Đồng;

2. Ông Lê Thành Đông;

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kiến Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đệ, ông Phạm Trọng Vĩnh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử công Ki vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 66/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 70/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn M T, sinh ngày 19/01/1989 tại tỉnh Bến Tre; Tên gọi khác; không. Nơi cư trú: ấp An Điền, xã An Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ văn hoá: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Cha: Nguyễn Văn M, sinh năm 1967; Mẹ: Nguyễn Thị V, sinh năm 1965; Bị cáo là con lớn nhất trong gia đình có 3 anh, em. Vợ: Mai Thị N, sinh năm 1997; Con: có hai người con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2023; Tiền án: 01, tại Bản án số 67/2022/HS-ST ngày 02/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tuyên phạt Nguyễn M T 30.000.000 đồng về tội Đánh bạc, chấp hành xong Bản án vào ngày 11/9/2024; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 28/8/2024 chuyển tạm giam từ ngày 31/8/2024 cho đến nay.

2. Phạm Văn H, sinh ngày 01/01/1982 tại tỉnh Bến Tre; Tên gọi khác: Không. Nơi ĐKTT: Thôn Dự, xã Ia Lóp, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: không ổn định; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ văn hoá: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Cha: Phạm Văn H, sinh năm 1948 (đã chết); Mẹ: Võ Thị P, sinh năm 1950 (đã chết); Bị cáo là con thứ năm trong gia đình có 06 chị, em. Vợ con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 28/8/2024 chuyển tạm giam từ ngày 31/8/2024 cho đến nay.

Người đại diện của bị cáo Phạm Văn H: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1977. Nơi cư trú: ấp H, xã H1, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. Nguyễn Thành N, sinh ngày 01/01/1992 tại tỉnh Bến Tre; Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: ấp 5, xã Bình Thắng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre; Nghề

nghề: làm thuê; Trình độ văn hoá: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Cha: Nguyễn Văn T, sinh năm 1961; Mẹ: Võ Thị A, sinh năm 1963; Bị cáo là con út trong gia đình có 05 chị, em. Vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1993 (đã ly thân). Con: có 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 28/8/2024 đến ngày 31/8/2024 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay.

4. Trần Đức M, sinh ngày 01/01/1976 tại tỉnh Bến Tre; Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: ấp Hưng Phú, xã Hưng Phong, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ văn hoá: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Cha: Trần Văn B, sinh năm 1945 (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị S, sinh năm 1948; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 03 chị, em. Vợ: Phạm Thị P, sinh năm 1983. Con: có 02 con lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 31/8/2024 cho đến nay.

Người bào chữa:

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn M T: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 – Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn Tăng - Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ: số 104A3, khu phố Bình Khởi, phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn H: Ông Hoàng Xuân B, sinh năm 1962 – Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ: số 522, khu phố 1, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thiết K, sinh năm 1993. Nơi cư trú: ấp H1, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1966. Nơi cư trú: ấp H, xã H1, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Các bị cáo, người đại diện cho bị cáo H, người bào chữa có mặt; riêng người làm chứng Nguyễn Thiết K, Nguyễn Văn B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 01 giờ 10 phút ngày 28/8/2024, tại nhà ông Nguyễn Văn B ở ấp Hưng Phú, xã Hưng Phong, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, lực lượng Công an xã Hưng Phong, huyện Giồng Trôm phát hiện, lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Thành N, Phạm Văn H, Nguyễn M T và Trần Đức M về hành vi Đánh bạc dưới hình thức đánh bài cào ba lá (đếm nút) thắng thua bằng tiền, tạm giữ đồ vật, tài sản gồm:

- Tạm giữ trên CH bạc: 01 tấm CH đan bằng dây lát có hoa văn màu đỏ-xanh, viền bằng vải màu đỏ, 01 góc của tấm CH bị rách; 01 bộ bài tây loại 52 lá (tấm CH và bộ bài chủ sở hữu không có yêu cầu nhận lại); 10.000.000 đồng, cụ thể: tại vị trí ngồi đánh bạc: của N là 1.900.000 đồng, của H là 500.000 đồng, của T là 1.600.000

đồng, của M là 6.000.000 đồng, tất cả đã nộp tại Kho bạc Nhà nước huyện Giồng Trôm.

- Tạm giữ trên người của Nguyễn Thành N: 2.500.000 đồng, đã nộp tại Kho bạc Nhà nước huyện Giồng Trôm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màn hình cảm ứng, vỏ màu đen, bên trong gắn hai thẻ sim số 0339.393.667, 0392.201.916 và 01 xe mô tô biển số 84K1-311.07, hiện đã trao trả cho N.

- Tạm giữ trên người của Phạm Văn H: 3.170.000 đồng, đã nộp tại Kho bạc Nhà nước huyện Giồng Trôm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Poco, màn hình cảm ứng, vỏ màu đen, bên trong gắn hai thẻ sim số 0325.356.173, 0766.825.338, hiện đã trao trả cho H.

- Tạm giữ trên người của Nguyễn M T: 170.000 đồng, đã nộp tại Kho bạc Nhà nước huyện Giồng Trôm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màn hình cảm ứng, vỏ màu tím, bên trong gắn sim số 0908.252.143, hiện đã trao trả cho T.

- Tạm giữ của Trần Đức M: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màn hình cảm ứng, vỏ màu đen, bên trong gắn hai thẻ sim số 0333.587.735, 0337.165.027, hiện đã trao trả cho M.

- Tạm giữ của ông Nguyễn Văn B: 01 xe mô tô biển số 62H8-1628, hiện đã trao trả cho ông B.

- Tạm giữ của chị Nguyễn Thiết K: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màn hình cảm ứng, vỏ màu đen, bên trong gắn thẻ sim số 0369.649.648, hiện đã trao trả cho chị K.

Tại Kết luận giám định pháp y T thần theo trung cầu số 472/2024/KLGD ngày 11/11/2024 của Trung T Pháp y T thần khu vực Tây Nam Bộ kết luận đối với Phạm Văn H như sau:

- Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và hiện tại: Đương sự có bệnh lý T thần: Rối loạn nhân cách thực tổn (F07.0 – ICD10), mức độ vừa.

- Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội và hiện tại: đương sự bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, do biến đổi nhân cách mức độ vừa.

Các bị cáo Ki nhận: Vào chiều ngày 27/8/2024, được chị Nguyễn Thiết K rủ đến nhà ông Nguyễn Văn B (cha ruột chị K) ở ấp Hưng Phú, xã Hưng Phong, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre để uống bia, thời điểm này ông B đã đi mua bán dừa nên không có mặt tại nhà. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, chị K mệt nên đi ngủ trước. Bị cáo N thấy có bộ bài tây 52 lá để sẵn tại nhà ông B nên bị cáo N rủ M, H và T đánh bạc dưới hình thức chơi bài cào ba lá (đếm nút) được thua bằng tiền, tất cả đồng ý và cùng nhau ngồi đánh bạc trên tấm CH được trải dưới nền bê tông tại nhà sau của ông B. Các bị cáo quy ước mỗi người làm cái từ 02 đến 03 ván rồi xoay vòng, mỗi ván người chơi đặt cược từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng, thắng thua trực tiếp với người làm cái. N sử dụng 4.000.000 đồng để đánh bạc, lấy 1.500.000 đồng để trên CH bạc, kết quả N thắng được 400.000 đồng; T sử dụng 2.170.000 để đánh bạc, lấy 2.000.000 đồng để trên CH bạc, kết quả T thua 400.000 đồng; H sử dụng 3.670.000 đồng, lấy 500.000 đồng để trên CH bạc, M sử dụng 6.000.000 đồng để đánh bạc và lấy toàn bộ số tiền này để trên CH bạc, kết quả H và M không thắng, không thua. N, H, T và M đánh bạc đến 01 giờ 10 phút ngày 28/8/2024 thì bị bắt quả tang, thu trên CH bạc số tiền 10.000.000 đồng, thu trên người của N, H và T là

5.840.000 đồng (gồm: của N 2.500.000 đồng, của H 3.170.000 đồng, của T 170.000 đồng), tổng số tiền N, H, T, M dùng vào việc đánh bạc là 15.840.000 đồng, Cơ quan điều tra đã nộp vào số tài khoản 394909042086 mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Giồng Trôm.

Tại Bản cáo trạng số 02/CT-VKSGT ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã truy tố các bị cáo T, H, N, M về "Tội đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Ki nhận hành vi phạm tội của mình như Bản cáo trạng đã nêu. Các bị cáo xác định, trong quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo không bị ép cung, nhục hình; các bị cáo tự nguyện Ki, không ai ép buộc, hướng dẫn các bị cáo Ki. Các bị cáo không KH nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa, Các Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách Nệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn M T, Phạm Văn H, Nguyễn Thành N và Trần Đức M phạm tội Đánh bạc.

- Về hình phạt chính:

+ Đối với bị cáo T: áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Hình phạt chính từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

+ Đối với bị cáo H: áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Hình phạt chính 04 tháng 16 ngày tù (bằng với thời gian bị cáo H bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/8/2024 đến 10/01/2025).

+ Đối với bị cáo N: áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm b khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự. Hình phạt chính từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

+ Đối với bị cáo M: áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm b khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự. Hình phạt chính từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Không.

Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: số tiền 15.840.000 đồng là tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo gồm: bị cáo T 1.770.000 đồng, bị cáo H 3.670.000 đồng, bị cáo N 4.400.000 đồng, bị cáo M 6.000.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 tấm CH đan bằng dây lát có hoa văn màu đỏ-xanh, viền bằng vải màu đỏ, 01 góc của tấm CH bị rách; 01 bộ bài tây loại 52 lá.

(Theo giấy nộp tiền vào tài khoản của Công an huyện Giồng Trôm vào Kho bạc Nhà nước huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo tài khoản số 94909042086 ngày 11/10/2024 và biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 07/01/2025 giữa Cơ quan điều tra với Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm).

Người bào chữa cho bị cáo T – Luật sư Nguyễn Văn Tạng trình bày: Đồng ý với nội dung bản Cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo T.

Tuy Nên mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo T là quá cao, mặc dù bị cáo tái phạm đã bị xử phạt về tội đánh bạc vào năm 2022 nhưng do vụ án này đơn giản, mục đích bị cáo từ Thanh Phú đến nhà chị K không phải để đánh bạc, mà sau khi nhậu xong được rủ rê mới chơi. Khi bị cáo bị công an bắt do vi phạm trong vụ án này, bị cáo đã ăn năn nên tác động gia đình nộp phạt số tiền 30.000.000 đồng cho Bản án năm 2022 thay cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết bị cáo tác động gia đình tự nguyện thi hành án Bản án năm 2022 này là tình tiết giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ thêm cho bị cáo. Bên cạnh đó gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vợ bị cáo không có thu nhập để nuôi con. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, áp dụng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là 06 tháng tù để tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về với gia đình, có điều kiện lao động nuôi dạy các con.

Người bào chữa cho bị cáo H– Luật sư Hoàng Xuân Bảo trình bày: Thống nhất với tội danh, điều khoản, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố, luận tội đối với bị cáo H, cũng như các tình tiết giảm nhẹ hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo H. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt theo đề nghị của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo T: Bị cáo cảm thấy ăn năn về hành vi của bị cáo, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo N: Khi còn nhỏ bị cáo chỉ được học đến lớp 2, bị cáo biết mình đã vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo M: Bị cáo biết mình vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo H, người đại diện cho bị cáo H không trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người làm chứng Nguyễn Thiết K, Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì, Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt bà K và ông B. Xét thấy, trong quá trình điều tra những người làm chứng đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng. Việc vắng mặt của bà K, ông B không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội

đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà K, ông B là phù hợp theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự

[3] Về tội danh: Các bị cáo T, H, N, M có lời Ki tại phiên tòa phù hợp với lời Ki của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời Ki của những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở xác định: Vào lúc 01 giờ 10 phút ngày 28/8/2024, tại nhà của ông Nguyễn Văn B ở ấp Hưng Phú, xã Hưng Phong, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, Công an xã Hưng Phong, huyện Giồng Trôm bắt quả tang Nguyễn Thành N, Phạm Văn H, Trần Đức M và Nguyễn M T đang thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh bài cào ba lá được thua bằng tiền, với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo N, H, M và T là 15.840.000 (mười lăm triệu, tám trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo là người có đủ tuổi và năng lực về mọi tội phạm, các bị cáo nhận biết được hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ vụ lợi các bị cáo đã tham gia sát phạt với nhau dưới hình thức đánh bài cào ba lá được thua bằng tiền với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 15.840.000 (mười lăm triệu, tám trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Do đó, hành vi của các bị cáo T, H, N, M đã đủ yếu tố cấu thành “Tội đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội:

Xét vai trò đồng phạm trong vụ án là đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có bàn bạc, phân công vai trò cho từng người trước, trong và sau khi thực hiện hành vi đánh bạc, trong đó bị cáo N là người khởi xướng việc đánh bạc, các bị cáo M, H và T cùng đồng tình thực hành việc đánh bạc trái phép. Bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên phải chịu trách Nhiệm hình sự cao hơn so với các bị cáo còn lại.

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng gây nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức được rằng việc đánh bạc được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng các bị cáo vẫn thực hiện nhằm mục đích thu lợi cho bản thân. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, ảnh hưởng đến nếp sống văn M, trật tự công cộng, gây mất trật tự tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự:

Về nhân thân, các bị cáo H, N, M chưa có tiền án, tiền sự nên được xem là có nhân thân tốt. Riêng bị cáo T có 01 tiền án về tội đánh bạc nên xác định bị cáo có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng trách Nhiệm hình sự: các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Thành N và Trần Đức M không có tình tiết tăng nặng trách Nhiệm hình sự. Bị cáo Nguyễn M T phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách Nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự: Các bị cáo H, N và M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố tất cả các bị cáo đã thành khẩn Ki báo, ăn năn hối cải; bị cáo T có 02 con chưa thành niên sinh năm 2017 và 2023; bị cáo H là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, có bà ngoại tên Đặng Thị Cắt là Bà mẹ Việt Nam anh Hùng, hai cậu ruột tên Võ Văn Vị, Võ Văn Mè là liệt sĩ; bị cáo N có ông nội tên Nguyễn Văn Xây được tặng Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng ba, bà nội tên Hồ Thị Thảo là thương binh hạng 3/4 và được tặng Huân chương Kháng chiến hạng ba, có con chưa thành niên sinh năm 2012; bị cáo M có ông út tên Nguyễn Văn Út là Liệt sĩ và được tặng Huân chương Kháng chiến hạng ba. Do đó, bị cáo H được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo N và M được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo T được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết bị cáo T tự nguyện tác động gia đình nộp phạt số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng để thi hành cho Bản án hình sự số 62/2022/HS-ST ngày 02/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre là tình tiết giảm nhẹ trách Nhiệm Hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là nghĩa vụ của bị cáo phải thực hiện sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nên đây không phải là tình tiết để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo trong vụ án này theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về áp dụng hình phạt cho các bị cáo:

Đối với bị cáo T, vào ngày 02/12/2022, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xử phạt 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng về tội đánh bạc, chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không biết tự sửa chữa, không tự nguyện thi hành án phạt sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, mà lại tiếp tục có hành vi đánh bạc. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Mức phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Đối với bị cáo H, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách Nhiệm hình sự, có Nền tình tiết giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự nhưng do bị cáo không có nơi cư trú ổn định nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo. Nhưng xét thấy, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo, áp dụng mức phạt tù bằng với thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam.

Đối với bị cáo N, và bị cáo M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách Nhiệm hình sự, có Nền tình tiết giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự, có công việc, thu nhập ổn định, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo N và bị cáo M.

[7] Hình phạt bổ sung:

- Đối với các bị cáo T, H có thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với các bị cáo N, M đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại Điều 32 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 05 điện thoại di động kèm theo các thẻ sim và 02 xe mô tô, gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màn hình cảm ứng, vỏ màu đen, bên trong gắn hai thẻ sim số 0339.393.667, 0392.201.916 và 01 xe mô tô biển số 84K1-311.07; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Poco, màn hình cảm ứng, vỏ màu đen, bên trong gắn hai thẻ sim số 0325.356.173, 0766.825.338; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màn hình cảm ứng, vỏ màu tím, bên trong gắn sim số 0908.252.143; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màn hình cảm ứng, vỏ màu đen, bên trong gắn hai thẻ sim số 0333.587.735, 0337.165.027; 01 xe mô tô biển số 62H8-1628 ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màn hình cảm ứng, vỏ màu đen, bên trong gắn thẻ sim số 0369.649.648 đã tạm giữ không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định pháp luật, nên ghi nhận.

Đối với số tiền 15.840.000 (mười lăm triệu, tám trăm bốn mươi nghìn) đồng, gồm: của bị cáo Nguyễn M T 1.770.000 (một triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn) đồng, của bị cáo Phạm Văn H 3.670.000 (ba triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn) đồng, của bị cáo Nguyễn Thành N 4.400.000 (bốn triệu, bốn trăm nghìn) đồng; của bị cáo Trần Đức M 6.000.000 (sáu triệu) đồng, các bị cáo dùng vào việc đánh bạc trái phép nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 (một) bộ bài tây 52 lá và 01 (một) 01 tấm cH đan bằng dây lát có hoa văn màu đỏ - xanh, viền bằng vải màu đỏ, 01 góc của tấm cH bị rách dùng để đánh bạc trái phép, chủ sở hữu không có yêu cầu nhận lại, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[9] Đối với việc các bị cáo Nguyễn M T, Phạm Văn H, Nguyễn Thành N và Trần Đức M tự ý sử dụng địa điểm tại nhà của ông Nguyễn Văn B để đánh bạc trái phép được thua bằng tiền vào đêm ngày 27 rạng sáng ngày 28/8/2024 nhưng ông B và chị K hoàn toàn không biết, nên ông B và chị K không bị truy cứu trách Nhiệm hình sự.

[10] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo về tội danh; điều luật áp dụng; nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự; mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo và xử lý vật chứng là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo H là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo T đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và mức hình phạt không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[12] Về án phí: Các bị cáo T, N, M mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Bị cáo H là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn M T, Phạm Văn H, Nguyễn Thành N, Trần Đức M phạm tội “Đánh bạc”.

1.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn M T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 28/8/2024.

1.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 04 (bốn) tháng 16 (mười sáu) ngày tù, thời hạn tù được tính từ ngày 28/8/2024.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Phạm Văn H ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị giam giữ về một tội phạm khác.

1.3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, điểm b khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

1.4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, điểm b khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Đức M 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[2]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 15.840.000 (mười lăm triệu, tám trăm bốn mươi nghìn) đồng, gồm: của bị cáo Nguyễn M T 1.770.000 (một triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn) đồng, của bị cáo Phạm Văn H 3.670.000 (ba triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn) đồng, của bị cáo Nguyễn Thành N 4.400.000 (bốn triệu, bốn trăm nghìn) đồng; của bị cáo Trần Đức M 6.000.000 (sáu triệu) đồng (Theo giấy nộp tiền vào tài khoản của Công an huyện Giồng Trôm vào Kho bạc Nhà nước huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo tài khoản số 94909042086 ngày 11/10/2024).

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) bộ bài tây 52 lá; 01 (một) tấm cH đan bằng dây lát có hoa văn màu đỏ - xanh, viền bằng vàng vải màu đỏ, 01 góc của tấm cH bị rách (Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 07/01/2025, hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre quản lý).

[3]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án: Buộc các bị cáo Nguyễn M T, Nguyễn Thành N, Trần Đức M mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

[4]. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Các bị cáo, người đại diện cho bị cáo H, người bào chữa cho bị cáo H được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Cơ quan THAHS CA huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THA dân sự huyện Giồng Trôm;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Bộ phận Hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát công an huyện Giồng Trôm;
- Bộ phận Hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát công an tỉnh Bến Tre.
- Các bị cáo;
- Người đại diện của bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan